

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **48/2026/HNGĐ-ST**

Ngày 26/02/2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHU VỰC 7 – ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lương Xu;
Bà Hồ Vũ Duy Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân
khu vực 7 – Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng tham gia
phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thuỷ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 108/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- N đơn: Chị Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1987. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Thái N, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Phú Mỹ, xã Tây H, thành phố Đ N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa N đơn chị Nguyễn Thị Bích V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Phước, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam (cũ) vào năm 2016 nay là xã Tây H, thành phố Đ N. Thời gian chung sống giữa vợ chồng không hạnh phúc thường xuyên phát sinh

mâu thuẫn N nhân do anh N không tin tưởng, không tôn trọng chị trong cuộc sống cũng như trong công việc dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã gây ảnh hưởng đến các con. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Thái N.

- Về con chung: Chị và anh N có 02 người con chung là cháu Phạm Nguyễn Ly N, sinh ngày 13/11/2017 và cháu Phạm Thái K, sinh ngày 26/12/2022, hiện nay cháu Na đang sống cùng chị, cháu Khang đang sống cùng anh N. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Na, còn cháu Khang thì giao cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Phạm Thái N*: Sau khi Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập cũng như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Phạm Thái N vắng mặt không có lý do. Do đó việc lấy lời khai của anh Phạm Thái N và việc hòa giải không thực hiện được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của N đơn là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đảm bảo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích V, xử cho chị Nguyễn Thị Bích V được ly hôn với anh Phạm Thái N; về con chung: giao cháu Phạm Nguyễn Ly N, sinh ngày 13/11/2017 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Phạm Thái K, sinh ngày 26/12/2022 cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Bích V và anh Phạm Thái N đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND xã Tam Phước, huyện Phú Ninh nay là xã Tây H, thành phố Đ N, anh

Phạm Thái N đang cư trú tại xã Tây H, thành phố Đ N. Chị Nguyễn Thị Bích V khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51, 53, 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bị đơn anh Phạm Thái N đã được tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Phạm Thái N là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích V và anh Phạm Thái N xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn đúng thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền, đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của chị V và anh N là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, N đơn chị Nguyễn Thị Bích V cho rằng cuộc sống chung giữa chị và anh Phạm Thái N xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị và anh N đã không còn sống chung với nhau, không ai quan tâm đến ai, không thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trên thực tế. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Thái N vắng mặt, không tham gia tố tụng tại Tòa, không có ý kiến phản hồi. Theo đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị V và anh N không có điều kiện để tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn, xử cho chị Nguyễn Thị Bích V được ly hôn với anh Phạm Thái N là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị V và anh N có hai người con chung là cháu Phạm Nguyễn Ly N, sinh ngày 13/11/2017 và cháu Phạm Thái K, sinh ngày 26/12/2022. Ly hôn, chị V có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Na, còn cháu Khang thì giao cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay cháu Na đang sống cùng với chị V, đồng thời cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, còn cháu Khang đang sống cùng với anh N. Để ổn định cuộc sống của các cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V, giao cháu Na cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Khang cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: N đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: N đơn chị Nguyễn Thị Bích V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích V được ly hôn với anh Phạm Thái N.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Ly N, (*sinh ngày 13 tháng 11 năm 2017*) cho chị Nguyễn Thị Bích V trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, đủ 18 tuổi; giao cháu Phạm Thái K, (*sinh ngày 26 tháng 12 năm 2022*) cho anh Phạm Thái N trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị Bích V và anh Phạm Thái N có quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích V phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 003082 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Chị V đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: N đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 7 – Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 7 - Đà Nẵng;
- UBND xã Tây Hồ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thanh Hải